

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ
DMC - MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

UBND PHƯỜNG LẮNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 28-10-2015

Số chứng thực 11131- quận số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Tuyết

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Khắc Ngư	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hoàn	Thành viên
Bà Lương Nguyễn Minh Phượng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Ngư	Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Hoa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được các cổ đông phê duyệt tại phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2015. Ngày 23 tháng 10 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 539/NQ-DMCN phê duyệt việc điều chỉnh lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm điều chỉnh và phản ánh khoản truy thu thuế và phạt thuế cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm (Thuyết minh số 15 và 19) và phát hành lại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng các điều chỉnh này không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, tuy nhiên, việc điều chỉnh và phát hành lại báo cáo tài chính riêng sẽ cung cấp các thông tin chi tiết và nhất quán hơn cho các cơ quan quản lý nhà nước và người sử dụng báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2015

Số: 236 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 10 năm 2015, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được các cổ đông phê duyệt tại phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2015. Ngày 23 tháng 10 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 539/NQ-DMCN phê duyệt việc điều chỉnh lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm điều chỉnh và phản ánh khoản truy thu thuế và phạt thuế cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 vào khoản mục “Chi phí khác” trong năm (Thuyết minh số 15 và 19) và phát hành lại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Chúng tôi đã thực hiện bổ sung một số thủ tục kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính riêng đã được điều chỉnh cho sự kiện nêu trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 kèm theo. Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán chỉ giới hạn cho các thay đổi của báo cáo tài chính riêng như đã được trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng và không mở rộng đối với các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 10 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1688-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		46.790.528.935	53.136.460.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.644.165.487	5.681.521.659
1. Tiền	111		5.644.165.487	1.681.521.659
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.973.443.023	24.889.571.333
1. Phải thu khách hàng	131		20.282.765.154	27.602.188.628
2. Trả trước cho người bán	132		304.840.408	66.539.550
3. Các khoản phải thu khác	135		52.718.544	45.729.523
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.666.881.083)	(2.824.886.368)
III. Hàng tồn kho	140	6	15.335.073.942	21.943.605.057
1. Hàng tồn kho	141		15.335.073.942	22.333.705.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(390.100.607)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.837.846.483	621.762.381
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		613.055.926	291.092.890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	125.459.085
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.224.790.557	205.210.406
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		9.960.970.196	11.406.583.282
I. Tài sản cố định	220		7.610.784.596	9.725.202.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	7.513.034.599	9.725.202.282
- Nguyên giá	222		37.860.018.727	38.655.893.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.346.984.128)	(28.930.691.245)
2. Tài sản cố định vô hình	227		97.749.997	-
- Nguyên giá	228		148.984.800	33.984.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.234.803)	(33.984.800)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.681.381.000	1.681.381.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	1.681.381.000	1.681.381.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		668.804.600	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		668.804.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		56.751.499.131	64.543.043.712

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		13.083.245.381	16.799.978.156
I. Nợ ngắn hạn	310		13.083.245.381	16.799.978.156
1. Phải trả người bán	312		4.523.986.001	10.636.546.065
2. Người mua trả tiền trước	313		8.250.000	9.537.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	1.302.517.318	1.060.306.998
4. Phải trả người lao động	315		3.155.768.233	2.785.815.531
5. Chi phí phải trả	316		2.113.480.239	2.148.163.779
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		65.225.690	80.576.930
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.914.017.900	79.031.453
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		43.668.253.750	47.743.065.556
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	43.668.253.750	47.743.065.556
1. Vốn điều lệ	411		39.245.500.000	39.245.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		552.234.152	146.157.618
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		625.837.110	209.584.031
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	20.293.220
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.244.682.488	8.121.530.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		56.751.499.131	64.543.043.712

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	ĐVT	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại	USD	50.395	1.119

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 10 năm 2015

Nguyễn Thanh Trúc
Kế toán trưởng

Trần Khắc Ngư
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

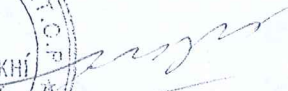
MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 (Điều chỉnh lại)	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	242.505.358.202	241.664.532.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12	345.480.454	125.653.250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	12	242.159.877.748	241.538.878.795
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	13	220.592.502.635	212.343.895.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.567.375.113	29.194.983.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		844.688.104	723.597.946
7. Chi phí tài chính	22		5.495.005	4.454.783
8. Chi phí bán hàng	24		8.607.827.445	10.031.851.960
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.943.231.799	9.213.562.299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.855.508.968	10.668.711.986
11. Thu nhập khác	31		89.027.273	98.663.636
12. Chi phí khác	32	15	463.681.260	-
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(374.653.987)	98.663.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.480.854.981	10.767.375.622
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	1.252.137.243	2.645.844.935
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.228.717.738	8.121.530.687


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Trúc
Kế toán trưởng


Trần Khắc Ngu
Giám đốc



Ngày 27 tháng 10 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 (Điều chỉnh lại)	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.480.854.981	10.767.375.622
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.295.142.886	2.793.025.629
Các khoản dự phòng	03	(548.105.892)	426.743.643
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(932.159.398)	(811.412.662)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.295.732.577	13.175.732.232
Thay đổi các khoản phải thu	09	6.615.294.886	(11.541.024.190)
Thay đổi hàng tồn kho	10	6.998.631.722	(4.807.231.195)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.304.483.317)	7.608.787.960
Thay đổi chi phí trả trước	12	(990.767.636)	443.813.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.803.902.070)	(2.309.692.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.810.506.162	2.570.386.511
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(174.975.200)	(1.676.618.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	87.527.273	98.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	391.670.843	259.076.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	304.222.916	(1.319.178.390)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(152.085.250)	(151.245.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(152.085.250)	(151.245.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.962.643.828	1.099.963.121
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.681.521.659	4.581.558.538
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.644.165.487	5.681.521.659

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Trúc
Kế toán trưởng

Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06 tháng 6 năm 2011 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí - CTCP nắm giữ 3.756.500 cổ phần, tương ứng với 37.565.000.000 VND, chiếm 93,91% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 243.500 cổ phần, tương ứng với 2.435.000.000 VND, chiếm 6,09% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 187 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 191).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế;
- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
- Bán buôn phân bón, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn cao su; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; hạt nhựa Polyetylen và các sản phẩm có liên quan;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất mua bán hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Các khoản vốn đầu tư ban đầu vào các công ty con được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính riêng.

Chính sách ghi nhận lãi từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày tại phần Thuyết minh “Ghi nhận doanh thu”.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014 (Năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	74.691.022	90.488.130
Tiền gửi ngân hàng	5.569.474.465	1.591.033.529
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	4.000.000.000
	11.644.165.487	5.681.521.659

(i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.863.930.789	13.150.532.768
Công cụ, dụng cụ	17.890.601	16.177.695
Thành phẩm	8.563.046.084	7.356.451.001
Hàng hóa	890.206.468	1.810.544.200
Tổng cộng	15.335.073.942	22.333.705.664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(390.100.607)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	15.335.073.942	21.943.605.057

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC
Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	21.862.147.125	7.189.021.728	1.187.908.664	8.416.816.010	38.655.893.527
Tăng trong năm	-	-	65.725.200	-	65.725.200
Mua trong năm	-	-	65.725.200	-	65.725.200
Giảm trong năm	-	-	-	861.600.000	861.600.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	861.600.000	861.600.000
Tại ngày 31/12/2014	21.862.147.125	7.189.021.728	1.253.633.864	7.555.216.010	37.860.018.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	15.657.742.838	6.816.675.766	256.616.874	6.199.655.767	28.930.691.245
Tăng trong năm	1.562.741.232	195.084.974	117.573.252	402.493.425	2.277.892.883
Trích khấu hao trong năm	1.562.741.232	195.084.974	117.573.252	402.493.425	2.277.892.883
Giảm trong năm	-	-	-	861.600.000	861.600.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	861.600.000	861.600.000
Tại ngày 31/12/2014	17.220.484.070	7.011.760.740	374.190.126	5.740.549.192	30.346.984.128
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	4.641.663.055	177.260.988	879.443.738	1.814.666.818	7.513.034.599
Tại ngày 31/12/2013	6.204.404.287	372.345.962	931.291.790	2.217.160.243	9.725.202.282

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.808.466.854 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.759.443.249 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn với tỷ lệ phần sở hữu là 81%, nắm giữ 81% quyền biểu quyết. Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn được thành lập và hoạt động tại Bắc Kạn với hoạt động chính là khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản.

9. TÌNH HÌNH NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp tại 01/01/2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phải nộp tại 31/12/2014 VND
Thuế				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.463.571.799	2.742.986.198	720.585.601
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	58.139.764	58.139.764	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	250.168.704	250.168.704	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.019.835.887	1.309.907.464	1.803.902.070	525.841.281
Thuế thu nhập cá nhân	40.471.111	143.378.945	127.928.820	55.921.236
Thuế tài nguyên	-	3.469.860	3.300.660	169.200
Thuế nhà đất	-	742.489.803	742.489.803	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	70.245	70.245	-
Tổng cộng	1.060.306.998	5.974.196.584	5.731.986.264	1.302.517.318

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc VCSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Điều chỉnh lại) VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	39.245.500.000	-	-	20.293.220	4.871.920.632	44.137.713.852
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	8.121.530.687	8.121.530.687
Phân phối các quỹ	-	146.157.618	243.596.031	-	(389.753.649)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(950.071.983)	(950.071.983)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.532.095.000)	(3.532.095.000)
Giảm khác	-	-	(34.012.000)	-	-	(34.012.000)
Tại ngày 01/01/2014	39.245.500.000	146.157.618	209.584.031	20.293.220	8.121.530.687	47.743.065.556
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	3.228.717.738	3.228.717.738
Phân phối các quỹ (*)	-	406.076.534	406.076.534	-	(812.153.068)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành (*)	-	-	-	-	(3.384.827.619)	(3.384.827.619)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.908.585.250)	(3.908.585.250)
Tăng khác	-	-	20.293.220	-	-	20.293.220
Giảm khác	-	-	(10.116.675)	(20.293.220)	-	(30.409.895)
Tại ngày 31/12/2014	39.245.500.000	552.234.152	625.837.110	-	3.244.682.488	43.668.253.750

(*) Phân phối các quỹ theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	%	VND	VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí - CTCP	93,91	37.565.000.000	37.565.000.000
Các cổ đông khác	6,09	2.435.000.000	1.680.500.000
	100	40.000.000.000	39.245.500.000

11. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

12. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	242.505.358.202	241.664.532.045
+ Doanh thu bán hàng	240.861.279.355	241.361.316.371
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.644.078.847	303.215.674
Các khoản giảm trừ doanh thu	345.480.454	125.653.250
+ Hàng bán bị trả lại	59.234.942	-
+ Thuế xuất khẩu	233.234.792	125.653.250
+ Giảm khác	53.010.720	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	242.159.877.748	241.538.878.795

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	219.830.392.236	212.206.913.041
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	762.110.399	136.982.672
	220.592.502.635	212.343.895.713

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.916.338.688	41.594.221.399
Chi phí nhân viên	21.317.873.332	22.713.983.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.295.142.886	2.793.025.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.104.732.782	11.530.713.943
Chi phí khác bằng tiền	3.541.488.114	4.300.401.718
	61.175.575.802	82.932.346.661

15. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	(Điều chỉnh lại)	VND
	VND	VND
Truy thu và phạt thuế (*)	356.243.357	-
Chi phí khác	107.437.903	-
	463.681.260	-

(*) Phản ánh số tiền thuế Công ty bị truy thu và phạt theo Biên bản thanh tra thuế cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013.

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	4.480.854.981	10.767.375.622
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	452.961.282	453.972.870
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.663.639.224	269.976.988
Lợi nhuận chịu thuế	5.691.532.923	10.583.379.740
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.252.137.243	2.645.844.935

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.644.165.487	5.681.521.659
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>43.668.253.750</u>	<u>47.743.065.556</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.644.165.487	5.681.521.659
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.668.602.615	24.823.031.783
Các khoản ký quỹ	931.365.151	-
Tổng cộng	30.244.133.253	30.504.553.442
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.589.211.691	10.717.122.995
Chi phí phải trả	2.113.480.239	2.148.163.779
Tổng cộng	6.702.691.930	12.865.286.774

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.991.183.991	1.122.036.078	-	-

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.644.165.487	-	11.644.165.487
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.668.602.615	-	17.668.602.615
Các khoản ký quỹ	931.365.151	-	931.365.151
Tổng cộng	30.244.133.253	-	30.244.133.253
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.589.211.691	-	4.589.211.691
Chi phí phải trả	2.113.480.239	-	2.113.480.239
Tổng cộng	6.702.691.930	-	6.702.691.930
Chênh lệch thanh khoản thuần	23.541.441.323	-	23.541.441.323
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.681.521.659	-	5.681.521.659
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.823.031.783	-	24.823.031.783
Tổng cộng	30.504.553.442	-	30.504.553.442
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.717.122.995	-	10.717.122.995
Chi phí phải trả	2.148.163.779	-	2.148.163.779
Tổng cộng	12.865.286.774	-	12.865.286.774
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.639.266.668	-	17.639.266.668

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

18. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	Công ty con
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng'dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	53.782.260.321	83.212.480.245
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	2.089.269.818	12.623.260.681
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	205.909.093
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	14.313.333.336	19.224.750.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	6.309.740.410	10.213.452.821
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	4.859.129.089	36.008.983.006
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	785.638.062	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	107.673.756	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	-	44.000.000

Công ty có số dư chủ yếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
<i>Phải thu về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ</i>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	14.670.670.872	17.298.534.748
Các khoản phải trả		
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	2.896.700.078	6.857.178.402

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.555.545.274	1.214.779.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

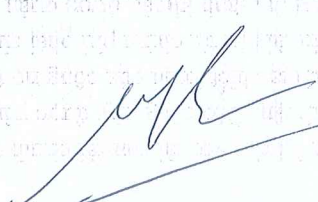
19. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA CÁC KHOẢN MỤC THAY ĐỔI

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được các cổ đông phê duyệt tại phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2015. Ngày 23 tháng 10 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 539/NQ-DMCN phê duyệt việc điều chỉnh lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm điều chỉnh và phản ánh khoản truy thu thuế và phạt thuế cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm và phát hành lại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng các điều chỉnh này không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, tuy nhiên, việc điều chỉnh và phát hành lại báo cáo tài chính riêng sẽ cung cấp các thông tin chi tiết và nhất quán hơn cho các cơ quan quản lý nhà nước và người sử dụng báo cáo tài chính riêng. Các khoản mục của báo cáo tài chính riêng đã phát hành ngày 05 tháng 3 năm 2015 được điều chỉnh lại như sau:

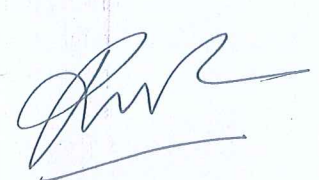
CHỈ TIÊU	Mã số	Báo cáo tài chính đã phát hành	Điều chỉnh lại	Báo cáo tài chính sau điều chỉnh lại
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí khác	32	107.437.903	356.243.357	463.681.260
(Lỗ)/lợi nhuận khác	40	(18.410.630)	(356.243.357)	(374.653.987)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.837.098.338	(356.243.357)	4.480.854.981
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.584.961.095	(356.243.357)	3.228.717.738
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	4.837.098.338	(356.243.357)	4.480.854.981
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.651.975.934	(356.243.357)	5.295.732.577
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.660.726.674)	356.243.357	(10.304.483.317)

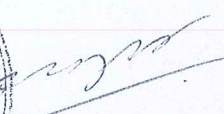
20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 10 năm 2015


Nguyễn Thanh Trúc
Kế toán trưởng


Trần Khắc Ngự
Giám đốc

